

**Đại Kinh Nguyên Thủy - Đại Kinh Phương Quảng  
(Kinh Số 43 trong Kinh Trung Bộ) - Bài 02**

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 01. 07. 2026

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang:

<https://www.youtube.com/watch?>

Mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/thaythichthientrang>

Nam Mô Như Lai, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn!

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Hôm nay là bài thứ hai, trong loạt bài chia sẻ về Đại Kinh Nguyên Thủy. Chúng ta giảng những bài kinh dài nên gọi là Đại Kinh. Quý vị biết, chúng ta giảng một bài có khi một buổi không hết một bài kinh. Nhưng phần đầu, cố gắng giảng một buổi để hết bài kinh.

Hôm nay, chúng ta vào phần thứ hai. Nội dung bài hôm nay, xin chia sẻ đến quý vị bài Đại Kinh Phương Quảng. Phần này nếu ai mà nghe không nổi, thì quý vị nghe [lại] ở những bộ giảng trước và nghe buổi thứ Bảy. Thứ Bảy chúng ta chia sẻ Tiểu Kinh Nguyên Thủy, những bài ngắn dễ nghe hơn, còn đây là tổng hợp có độ sâu. Nếu mà cắt ngắn thì chúng ta mới giảng sâu được.

Mời quý vị vào bài hôm nay là bài Kinh số 43:

### **Đại Kinh Phương Quảng (*Mahāvedallasutta*)**

**(Kinh số 43 trong Kinh Trung Bộ)**

Trong Kinh Trung Bộ có hai bài: Bài thứ nhất là Tiểu Kinh Phương Quảng, bài thứ hai là Đại Kinh Phương Quảng. Gọi là Phương Quảng tất nhiên là rộng lớn rồi, cho nên bài này khó. Nhưng thật ra, những kiến thức này chúng ta hầu như đã học.

#### **[Đoạn 1 – Mở đầu]**

(Phần chữ đen này chúng ta tự thêm vào. Còn chữ xanh là chữ gốc của Chánh kinh).

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī, tại Jetavana, tịnh xá ông Anāthapiṇḍika. (Tức là, một thời Đức Phật tại thành Xá Vệ, tại Tịnh xá ông Cấp Cô Độc vườn Cây Kỳ Đà).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākotṭhita (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, khi Thiền định xong, đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta ở, (tức là ngài Xá-lợi-phất) sau khi đến nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākotṭhita nói với Tôn giả Sāriputta:

Đoạn mở đầu, không quan trọng lắm chúng ta chỉ biết tình hình là gì. Ngài Xá-lợi-phất và cậu của ngài là Ma-ha Câu-hy-la, hai người gặp nhau. Thường thì ngài Ma-ha Câu-hy-la [đến] hỏi ngài Xá-lợi-phất. Bây giờ, chúng ta mới bắt đầu vào vấn đề:

## [Đoạn 2 – Nói Về Trí Tuệ]

- Nay Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (Duppañña) được gọi là như vậy. Nay Hiền giả, **như thế nào được gọi là liệt tuệ?**

- Nay Hiền giả, vì không tuệ tri, không tuệ tri (Nappajānāti), nay Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không

**tuệ tri gì? Không tuệ tri: đây là khổ, không tuệ tri: đây là khổ tập, không tuệ tri: đây là khổ diệt, không tuệ tri: đây là Con đường đưa đến khổ diệt. Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.**

Như vậy liệt tuệ là gì? Liệt tuệ rất đơn giản. Thực ra là trí tuệ kém hay nói là 'không có trí tuệ'. Ở đây định nghĩa rất đơn giản là không biết. Không tuệ tri tức là không biết rõ về bốn điều: Khổ, Tập, Diệt, Đạo (Tứ thánh đế) thì gọi liệt tuệ. Cho nên liệt tuệ là trí tuệ kém. Không tuệ tri tức là không biết được, không có trí tuệ để biết được Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ; [Tập] là nguyên nhân của khổ; Diệt tức là kết quả sau khi hết khổ; và [Đạo] là con đường đưa đến diệt khổ. Chúng ta tiếp tục:

**- Lành thay, Hiền giả!**

**Tôn giả Mahākotṭhita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sāriputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sāriputta một câu hỏi nữa:**

**- Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ (Pañña), được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào là được gọi là trí tuệ?**

Như vậy, đầu tiên gọi liệt tuệ, tức là kém. Sau đó hỏi về trí tuệ. Chúng ta coi thử trí tuệ là thế nào? Thì trí tuệ ngược lại thôi, ở đây nói đơn giản.

- Vì có tuệ tri, có tuệ tri (Pajānāti), này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: "đây là khổ", có tuệ tri: "đây là khổ tập", có tuệ tri: "đây là khổ diệt", có tuệ tri: "đây là Con đường đưa đến khổ diệt". Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

Như vậy, trí tuệ biết được về: Khổ, Tập, Diệt, Đạo là Tứ thánh đế. Cho nên nhiều người nói mình có trí tuệ hay không? Thì coi mình có biết được Tứ thánh đế hay không nha! Nếu không biết thì sẽ liệt tuệ, tức là kém, không có trí tuệ.

Phần tổng kết ở đây tạm đánh chữ này để quý vị dễ nắm. Đoạn này dài vậy nhưng quý vị nhớ là:

[+ Người liệt tuệ là người không biết rõ Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

+ Người có trí tuệ là người biết rõ Tứ Thánh Đế.]

### [Đoạn 3 – Nói về sự giống và khác giữa Trí tuệ và Thức]

[Đây cũng] là một kiến thức rất quan trọng. Nhiều người không biết phân biệt đâu là Thức, đâu là Trí tuệ. Thật ra trong bài kinh này chúng ta làm rõ ba vấn đề: Một là Tưởng, hai là Thức và

ba là Trí tuệ như thế nào? Chúng ta không phân biệt được điều đó, nên trong những bài kinh này quan trọng, đúng không? Nhiều người nói học cao siêu, học này kia. Nhưng thật ra, những kiến thức căn bản trong kinh đều nói mà không biết, lại cứ cho là mình ngon. Học Đại thừa [tưởng là] ghê gớm, nhưng thực tế những kiến thức về: Trí tuệ, Thức và Tưởng, ba [điều] này phân biệt như thế nào thì không biết. Khi đó trong Kinh Nikaya có hết. Tiếp theo ngài Ma-ha Câu-hy-la nói:

**- Thức, thức (Viññāṇa), này Hiền giả, được gọi là như vậy, này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?**

Chúng ta học cho đã rồi, bây giờ biết Thức là gì không? Nhiều người không biết, đúng không? Thì bây giờ biết ngay ở đây.

**- Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri (Vijānāti), này Hiền giả nên được gọi là có thức. Thức tri gì? Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc. Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có Thức.**

Thức tri là gì? Tạm thời chúng ta chưa nói đến Tuệ, mà nói Thức. Trong kinh này nói đơn giản thôi. Thức tri là biết, có khả năng nhận biết. Thức là nhận biết. Nhận biết được về lạc, về khổ và không khổ, không lạc, ở đây nói như vậy: “Thức tri lạc, thức

tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc”. Tức là biết thế nào là vui? Biết thế nào là khổ? Biết thế nào không vui không khổ đó là thức. Biết không, phải biết chứ! Chúng ta biết, sao mà không biết được. Đang khổ biết khổ, đang vui biết vui, đang không khổ, không vui, biết thấy bình thường, biết chứ, đó là Thức tri, mà thức tri là cái biết của thức.

**- Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?**

Tức là ngài Ma-ha Câu-hy-la hỏi rằng: Như vậy ở trên thì hỏi về trí tuệ, đúng không? Ở dưới thì hỏi về thức. Vậy hai pháp trí tuệ và thức thì giống và khác nhau như thế nào? Có thể kết hợp lại với nhau [được] hay không? Sai khác như thế nào? Phân tích nhiều lần.

Quý vị thấy trong Kinh Nikaya hay lắm. Đưa ra những vấn đề đó rất rõ ràng. Mình không có học là mình không biết. Bây giờ, mình hỏi trí tuệ và thức thế nào? Là mơ hồ, nói lung tung lang tang. Nhưng thực tế trong Kinh Nikaya có cả rồi. Trong này trả lời nè!

- Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. (Ý thứ nhất là trí tuệ và thức có kết hợp với nhau). Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Nay Hiền giả, điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

Chính vì [điều] này, nên không phân biệt được đúng không? Quý vị thấy, ở đây hai vấn đề là trí tuệ và thức. Ngài Xá-lợi-phất nói: ‘Điều gì mà tuệ tri được (tức là trí tuệ biết được), thì thức cũng biết được. Điều gì thức biết được thì trí tuệ cũng biết được’. Do vậy hai pháp này kết hợp lại được. Và không thể nêu lên sự sai khác giữa hai pháp này. Mình thấy như vậy, đó là xét trên phần bình thường nha! Như vậy, trí tuệ và thức thấy giống nhau đúng không? Cho nên đây là một phần đầu tiên. Ở đây chưa phân tích sâu, [chỉ] nói về phần này, về cái biết, tức là cái biết của trí tuệ và biết của thức giống nhau. Tại vì điều gì trí tuệ biết thì thức biết, điều gì thức biết thì trí tuệ biết. Nhưng mà tại sao lại có phân chia

ra thì đó là phần sau. Chúng ta cứ tạm thời đầu tiên [biết] như vậy.

- Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?

Tức là bây giờ khác nhau chỗ nào.

- Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, trí tuệ cần phải được tu tập (Bhāvetabbā), còn thức cần phải được liễu tri (pariññeyyam)<sup>1</sup> như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.

Tức là khác nhau đó là: Trí tuệ thì cần phải tu tập mới có. Còn thức thì cần phải được liễu tri, tức là chỉ cần biết thôi là đã có. Biết, tức là biết một cách rõ ràng, khi cần biết thì tự động thức [đó] sẽ có được, đó là sự sai khác.

Như vậy, tuy hình thức có thể dường như giống nhau, đúng không? Cái này biết thì cái kia biết. Tức là nếu mình tuệ tri được thì thức cũng biết được. Thức biết được thì trí tuệ cũng biết được.

---

<sup>1</sup> MN-a 2.342 [MN-a 43] cho rằng không có sự sai khác. Thức cộng thêm với trí tuệ cần phải được tu tập. Và trí tuệ cộng thêm với thức cần phải được ý thức.

Nhưng khác nhau chỗ nào? Khác nhau là trí tuệ tu tập mới có. Còn thức là không cần tu tập, liễu tri tức là sáng suốt biết rõ là có thức. [Điều] này khác nhau, chính vì vậy mà phải tu tập.

Ví dụ như bây giờ nói một kiến thức nào đó, nếu như mình đã biết [kiến thức đó], mình biết nhưng trí tuệ nó không biết được. Còn về thức thì từ từ mình nói sau. Ví dụ như mình cần biết rằng: ‘Có một người, sanh ra trong đời, phải trải qua mang thai 9 tháng 10 ngày gì đó. Mình nghe như vậy là thức mình có thể biết’. Nhưng trí tuệ cũng biết được đúng không? Ngược lại, thì [cũng] như vậy. Hoặc thức đơn giản là biết, nên cái kia cũng biết, vậy khác nhau chỗ nào?

Thật ra chút nữa chúng ta nói tưởng nữa, nó khác. Trí tuệ thì phải tu tập mới có. Còn thức không cần phải tu tập, mà chỉ cần khi mình đầy đủ sáng suốt là được. Ví dụ như bây giờ quý vị không bị vấn đề về thần kinh là biết được, đúng không. Cho nên khó, tại vì Đại Kinh Phương Quảng mà, đâu phải Tiểu Kinh Phương Quảng đâu. Tiểu Kinh Phương Quảng khó rồi, nhưng Đại Kinh Phương Quảng còn khó hơn. Như vậy tóm tắt đoạn này:

**[ + Thức nhận biết cảm giác: lạc, khổ, không khổ không lạc. Tức là nhận biết được ba cảm giác này.**

+ **Tuệ thấy rõ bản chất sự vật.** (Điều này để đoạn sau nói lại, so sánh với tưởng có ví dụ rõ ràng hơn).

+ **Thức cần được liễu tri, còn tuệ cần được tu tập.**

+ **Điều gì tuệ tri được thì thức tri được; điều gì thức tri được thì tuệ tri được.** Tuy vậy, **thức cần được liễu tri, còn trí tuệ cần được tu tập.**] Cho nên cần phải tu tập mới có trí tuệ.

Tại sao nghe có vẻ kỳ quái vậy? Thực ra thế này, cái biết của Thức là cái biết không sâu, cái biết của Tuệ là cái biết rõ về bản chất. Bản chất gì thì chút nữa chúng ta sẽ phân tích tại sao Tuệ phải tu tập.

#### [Đoạn 4 – Nói về Thọ]

- **Cảm thọ, cảm thọ (Vedanā), này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là cảm thọ?**

- **Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (Vedeti), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc.** Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

Ở đây chỉ có chia ra ba thọ thôi đúng không ạ: cảm thọ về vui, cảm thọ về khổ, cảm thọ không vui không khổ. Đó là ba thọ.

Nếu chúng ta chia ra tâm với thân thì chia thành năm thọ. Nhưng nói tóm lại ba thọ. Tạm thời chúng ta hiểu được ba thọ. Điều này biết rồi cho nên nói nhanh.

### [Đoạn 5 – Nói về Tưởng]

- **Này Hiền giả, tưởng, tưởng (Saññā) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là tưởng?** (chúng ta cần biết về tưởng đúng không).

- **Tưởng tri, tưởng tri (Sañjānāti), này Hiền giả, nên được gọi là tưởng, Và tưởng tri gì? Tưởng tri màu xanh, tưởng tri màu vàng, tưởng tri màu đỏ, tưởng tri màu trắng. Tưởng tri, tưởng tri, này Hiền giả, nên được gọi là tưởng.**

Tưởng là gì, bữa nay chúng ta thấy rất rõ ở trong kinh. Ở đây nói tưởng tri màu xanh. Ví dụ như bây giờ quý vị nhìn màu hồng, tưởng tri màu hồng, màu vàng, màu đỏ, màu trắng. Nhìn bên hình Phật ở đây, tưởng tri màu trắng. Như vậy đó là tưởng, rất đơn giản.

Như vậy tưởng cũng là cái biết đó chứ, biết này tưởng tượng ra. Mình mặc định đây là màu gì, ví dụ quý vị thấy có một cuốn Nhật Tụng Kalama ở đây, quý vị biết đó là màu vàng. Tại sao? Mình tưởng, mình đã hình thành một khái niệm màu vàng.

Từ nhỏ mình được người ta dạy đó là màu vàng. Đến lúc nào đó mình quen, mình chấp nhận, mặc định đó là màu vàng. Thành ra gọi là tướng tri, tướng tri màu vàng. Quý vị hiểu như vậy.

Thực tế nếu mình không [được] dạy đó là màu vàng, có người dạy mình đó là màu đỏ thì mình cũng tướng tri màu đỏ, cuối cùng mình đọc đó là màu đỏ thôi. Nhưng tại vì mình từ nhỏ lớn lên mặc định [đó là màu vàng].

Cho nên ở thế gian có rất nhiều thứ mọi người cho là chân lý, nhưng thực tế đó là Pháp thế gian. Có rất nhiều tiêu chuẩn đạo đức, tiêu chuẩn tu tập này kia, mình cứ mặc định như vậy. Ví dụ như bây giờ quý vị học theo đạo Nho. Đạo Nho có Tam tông Tứ đức, thần thì phải trung với vua, vua xử thần tử là thần bất tử bất trung, kiểu vậy, mặc định thời đại đó là như vậy. Nhưng ông vua đó tùm lum làm sao xử người như vậy được. Có những tiêu chuẩn giữ như vậy.

Nếu như mình học theo các Pháp thế gian, mình có rất nhiều thứ gọi là Giới cấm thủ. Ví dụ chúng ta sống ở phương Đông khác với phương Tây, quan niệm của xã hội phương Đông khác quan niệm của xã hội phương Tây. Quý vị thấy phương Đông phải hiếu kính cha mẹ, cha mẹ tới khi già phải nuôi dưỡng, còn phương Tây

họ không có quan niệm đó. Nếu đem tiêu chuẩn của phương Đông, mình nói người phương Tây bất hiếu đúng không? Nhưng đâu phải, đó là quan điểm xã hội. Có rất nhiều quan điểm như vậy.

Cho nên ai học mà nói lấy đạo Nho với đạo Gia thay thế được Phật giáo thì đó là sai lầm. Bởi vì tiêu chuẩn của Phật vượt tiêu chuẩn xuất thế. Tiêu chuẩn xuất thế Ngài không đặt ràng buộc trong thế gian. Còn tiêu chuẩn của đạo Nho và đạo Gia quý vị thấy có rất nhiều sự ràng buộc trong thế gian. Ràng buộc đó gọi là Giới cấm thủ nếu giữ cái đó.

Bây giờ rất nhiều người cứ lôi ra nói câu của người này người kia nói: học trò không có phản bội thầy, v.v... không có thành tựu gì v.v... Nhưng trong kinh Phật quý vị thấy rõ ràng Đức Phật nói: không nương tựa vào ai khác, chỉ có nương tựa vào chính mình. Sau khi Như Lai nhập Niết-Bàn, hãy lấy Pháp làm thầy, hãy lấy mình làm chỗ nương tựa, hãy tự làm ốc đảo cho chính mình, đâu có nương tựa vào ai đâu. [Đức Phật] không có căn dặn phải nương tựa vào ngài Xá-lợi-phất, ngài Ma-ha-ca-diếp, ngài Anan, không nương tựa vào ai cả, rõ ràng, tiêu chuẩn khác nhau. Còn qua bên Trung Quốc quý vị thấy: nếu theo thầy phải theo thầy 10 năm, v.v... này kia. Rõ ràng đó là tri kiến thế gian. Nên khác

nhau rất nhiều. Khi mình nhập vô đó rồi mình cũng tưởng như vậy thôi. Đó là cái tưởng.

Tưởng đó hình thành lâu ngày, đóng khung lại thì gọi là Giới cấm thủ bởi vì nó không đúng với Phật giáo.

– Đây Hiền giả, thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

Tức là ngài Ma-ha Câu-hy-la hỏi thọ và tưởng kết hợp được với nhau hay không, phân tích nhiều lần thì sai khác như thế nào.

- Đây Hiền giả, **cảm thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp** (tức là kết hợp với nhau được). Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Đây Hiền giả, **điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là cảm thọ được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.**

Đoạn này quý vị thấy đang nói về tướng và thọ. Rõ ràng nó không giống nhau nhưng nó lại giống nhau đúng không, cái gì cảm thọ được thì tướng tri được, điều gì tướng tri được thì cảm thọ được. Sao kỳ vậy đúng không ạ? Hình như mình không thông được chỗ này.

Trong các cảm thọ (ba thọ): thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc. Còn tướng đâu liên quan đến thọ. Nhưng không phải như vậy. Tức là khi mình tướng, mình thọ nó kết hợp với nhau như thế nào? Ví dụ bây giờ cái gì mình cảm thọ được thì tướng tri được. Chúng ta đang lỡ để màu đỏ nhiều quá, vào mùa này, nóng, quý vị để màu đỏ thấy khó chịu, như vậy cảm thọ khổ. Điều cảm thọ đó là do tướng tri được, tướng khổ, cảm thọ cũng tự nhiên cảm thọ lên, tức là khó chịu. Nếu như bây giờ chúng ta đổi màu xanh, do không kịp bám qua màu xanh, nếu đổi qua màu xanh quý vị thấy dễ chịu đúng không. Như vậy dễ chịu do tướng được, do mình tướng màu xanh dễ chịu, và cảm thọ cũng được.

Nói đơn giản hai cái này [thọ và tướng] liên hệ với nhau. Nói sơ lược, nói về khía cạnh đó thôi. Chứ thật ra cái tướng rộng lắm, tại vì thiền tướng nữa, quý vị hiểu không ạ. Ví dụ như tu thiền thực ra cũng dựa vào tướng, tướng về thiền án nước, thiền

án xanh, thiên án đỏ v.v..., dùng cái tướng để tu. Cho nên ở đây chúng ta sẽ cần phải coi lại để phân biệt.

*Bây giờ chúng ta có ba pháp: tướng, thức và tuệ. Bây giờ chúng ta sẽ phân tích ba pháp này khác nhau, giống nhau như thế nào. Ở đoạn này chúng ta chỉ cần nhớ: tướng là nhận biết các tướng như xanh, vàng, đỏ, trắng, đó là tướng. Tại sao nói là tướng khác với thức. Quý vị biết tướng là tại vì mình mặc định đó là xanh, đó là vàng, đó là đỏ, trắng, con mắt mình chỉ chụp màu đó đưa vào trong tâm thôi. Tướng của mình xác định đó là màu xanh, tướng nó xác định đó là màu vàng, tướng đó xác định màu đỏ, tướng đó xác định là màu trắng. Mình nói tiếng Việt như vậy, nhưng tiếng Anh người ta nói green, yellow, red, người Pháp nói khác. Màu xanh có thể hai màu xanh: màu xanh blue là màu xanh da trời, màu xanh green là màu xanh lá cây. Trong tiếng Pháp vert là xanh lá cây, bleu là xanh da trời.*

Như vậy mỗi dân tộc tự trong đầu họ sẽ định nghĩa một chữ, phát ra một âm khác. Đó là do tướng, từ nhỏ mặc định, chữ đó, tên đó là vậy. Đó là do tướng. Thực ra ký lên một sự chấp trước nào đó, mặc định, quy ước nào đó gọi là tướng.

Như vậy ở đây chúng ta cần nắm rõ ba pháp: Tưởng, Thức và Tuệ. Theo Chú giải của Kinh Trung Bộ về bài Kinh này, ở đây chúng tôi xin tóm tắt thôi:

**\*‘Tưởng (saññā)’ chỉ là cái biết đơn thuần thông qua đối tượng, chẳng hạn như màu xanh v.v, không thể đạt đến việc thấu triệt Tam tướng là Vô thường, Khổ và Vô ngã.**

Điều này để áp dụng trong tu tập. Tưởng chỉ biết đơn thuần thông qua đối tượng, chẳng hạn như màu xanh, màu vàng, màu đỏ v.v..., nhưng nó không thể đạt đến thấu triệt Tam tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, chính là không đặc đạo. Cho nên tu thiền tưởng, tức là tu Thiền chỉ, các biến xứ này biến xứ kia, nhờ tưởng đó mà trụ được tâm, nên dừng tâm lại ở các thiền án xứ. Nhưng quý vị biết nó không đưa đến Tam tướng, [không] thấy rõ được Tam tướng: Khổ, Vô thường, Vô ngã, mà đây là cửa để vào Chánh pháp (nhập dòng Thánh). Không thấy được ba tướng đó thì không được.

Nếu ai chỉ dùng tưởng thôi thì không có cách nào vô đó được, trừ khi mình có thiện căn Ba-la-mật nhiều đời. Chứ còn thực tế là không được.

**\*‘Thức (viññāṇa)’** biết các đối tượng có màu xanh v.v, và có thể đạt đến sự thấu triệt tam tướng là Vô thường, Khổ và Vô ngã, nhưng không thể cho sự nỗ lực để đạt đến sự hiển lộ của đạo lộ Siêu thế.

Có nghĩa là gì? Cái tưởng đơn giản, nó nhận biết đây là màu xanh, đây là màu trắng, đây là màu đỏ, màu hồng v.v... Còn thức khác hơn, nó nhận biết được màu đó rồi, nhưng nó đưa đến sự thấu triệt về Tam tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã. Ví dụ màu đỏ mình thấy khổ quá, thấy đời khổ quá, nó thấy khổ đó, nó đưa đến khổ đấy. Còn màu xanh vốn là màu thế nào đó, nó sẽ dẫn mình đến Khổ, Vô thường, Vô ngã, thấy được ba tướng đó, nhưng nó chỉ biết đến đó thôi, cái biết bằng Thức, biết thì biết vậy. Cho nên biết bằng Thức mình chỉ có khả năng đưa đến hiểu vậy thôi, chứ mình không có chứng quả. Gần đến chứng quả rồi, nhưng chứng quả là tuệ, cái tuệ ở đằng sau.

**‘Tuệ (paññā)’** biết rõ các đối tượng như màu xanh, cho đạt đến sự thấu triệt Tam tướng là Vô thường, Khổ, Vô ngã và có thể trợ giúp để chứng đắc sự hiển lộ của con đường Siêu thế.]

Thức với Tuệ lúc này chúng ta đã phân tích rồi. Cái thức ghê gớm lắm, tức là cái biết ghê gớm lắm, nói pháp hay lắm, thế này thế kia v.v..., đủ thứ các kiểu. Nhưng khi chưa có tuệ thì nó chỉ biết tới đó thôi. Nghe ai nói, ai giảng, Sư này giảng, thầy kia giảng, kinh nói thì mình nói lại như con vẹt. Tức là mình học mình nói, mình hiểu mà nói, tức là qua tư duy, thức là đã qua tư duy rồi.

Còn Tưởng là thuần biết mà không cần tư duy. Cho nên mới tu Thiền chỉ, mà thiền chỉ không có tư duy. Quý vị ngồi đó quý vị nhìn thiền án. Ví dụ tu thiền án nước, thì quý vị chỉ nhìn nước nước nước, chứ quý vị đâu có tư duy. Cho nên cái đó dùng Tưởng mà tu, gọi là thiền tưởng, nên dừng tâm lại, gọi là Thiền chỉ.

Còn Thức thực ra là [tu được] Thiền quán. Thiền quán là có thể hiểu ra vấn đề: trong con người này, 32 thể trược này bất tịnh quá, ghê gớm quá, lúc mới đầu nó vẫn là thức à. Nhưng đến lúc nào đó mình bừng lên bắt đạo lộ siêu thế, tức là tuệ bắt đầu xuất hiện, làm bừng lên: hoá ra Vô ngã, luân hồi là Khổ, là Vô thường, Vô ngã một cách đúng đắn. Tức là nó chạy lên đạo lộ siêu thế, [có thể] chứng Sơ quả đến Nhị quả, Tam quả, Tứ quả. Đó là tuệ xuất hiện.

Còn không cả đời, cho dù học có giỏi cỡ nào chẳng nữa, nói pháp có hay chẳng nữa, thuộc Tam tạng như trong lòng bàn tay mà không có tuệ xuất hiện thì đó là dùng thức. Cho nên tuệ quan trọng.

|                                     |
|-------------------------------------|
| Ví dụ để phân biệt Tưởng, Thức, Tuệ |
|-------------------------------------|

*Ở đây Tuệ là gì, Thức là gì, Tưởng là gì thì trong Chú giải đưa ra một ví dụ rất dễ hiểu thôi: quý vị biết tiền không? Trẻ nhỏ có biết tiền không? Biết chứ, nó biết tiền chứ, nó biết đây là tiền tiền tiền, tiền này tiền kia chứ, đưa cho nó, nó biết tiền. Ví dụ tiền Việt Nam mình, đây là tờ 200 ngàn, đây là tờ 100 ngàn, đây là tờ 50 ngàn, đây là tờ 500 ngàn, rồi tiền Đô la Mỹ v.v... Nói tiền tiền, mấy đứa nhỏ cũng biết tiền chứ, biết đó là tiền.*

Người lớn biết tiền không? Người lớn cũng biết tiền, đây là tờ 50 ngàn, đây là tờ 100 ngàn, đây là tờ 200 ngàn, đây là tờ 500 ngàn, biết hết. Nhưng cái biết của người lớn khác cái biết của trẻ nhỏ. Trẻ nhỏ biết tiền tiền tiền thôi, nhưng người lớn biết cầm 500 ngàn, ta xài khác, hai tờ 500 ngàn là 1 triệu ta xài khác. Người này móc cái bóp ra thấy có hai tờ 500 ngàn, người kia móc cái bóp ra thấy một xấp [tiền], biết người đó khá à. Đó là sử dụng thức.

Trẻ em giống như tưởng thôi, biết vậy thôi, tiền tiền tiền tiền, nhận biết đây là tiền tiền. Người lớn còn phân biệt được đây là tiền giả, đây là tiền thật nữa. Mấy đứa nhỏ nhiều khi không biết đâu là tiền thật, đâu là tiền giả. Nhưng người lớn còn biết đây là tiền giả, giá trị của đồng tiền như thế nào, người lớn thì biết đúng không ạ. Nhưng biết cũng biết sơ khởi thôi.

Còn chuyên gia đổi tiền, quý vị biết khi đi nước ngoài phải đổi tiền, hay chúng ta nói tiệm Vàng kim thì người ta biết rõ hơn nữa, người ta có máy để quét, đồng tiền này là tiền giả, kia là tiền thật, tiền thế nào, rồi giá trị lên xuống, lúc này tiền đang lên. Ví dụ Euro tăng, cho nên tiền Việt giảm, Đô la lên thì tiền Việt giảm. Người ta biết một cách hệ thống, chi tiết, rất sâu xa. Cầm một tờ tiền lên người ta biết rất nhiều thứ ở trong đó.

Ví dụ đó để nói lên cái tưởng, giống như trẻ em biết tiền, đơn giản chỉ là tiền thôi. Còn người lớn giống như thức, biết tiền có giá trị sâu xa. Nhưng người mà siêu rồi, chuyên gia về tiền, giống như người cầm tiền đổi tiền. Bây giờ nói vàng dễ hơn, thì người ta biết rõ tiền đó [vàng đó] như thế nào, lên xuống, giá trị thời gian, người ta hiểu đó là mặc định, quy ước nhân gian v.v... thì đó là tuệ.

Ba ví dụ đó để biết Tưởng, Thức và Tuệ. Như vậy Tưởng giống như trẻ nhỏ. Nếu quý vị không lấy tiền thì lấy vàng cho dễ, vàng bây giờ rõ hơn. Đứa nhỏ cũng chỉ biết vàng vàng vàng thôi, đưa ra vàng, vàng thật hay vàng giả nó cũng không biết nữa, đưa vàng 18k, 24k nó không biết, đủ tuổi hay không đủ tuổi nó cũng chỉ biết đó là vàng thôi. Còn người lớn có thể biết đây là vàng giả, đây là vàng thật, biết sơ sơ thôi. Nhưng để biết rõ ràng: vàng đó xuất phát từ đâu, vàng đủ tuổi hay không, vàng 9999.9 hay bao nhiêu đó, thì phải là chuyên gia vàng. Chuyên gia tức là chủ tiệm vàng đầy đủ kiến thức về vàng, đầy đủ công nghệ, đầy đủ thiết bị, người ta hiểu, người ta hiểu thấu triệt về vàng, thậm chí người ta chế tạo ra vàng được, chế ra hình này hình kia. Còn mình ở nhà mình cầm chỉ vàng, đeo bông tai, dây chuyền gì đó thôi.

Người lớn thì tương đương với thức, còn trẻ nhỏ tương đương với tưởng, người buôn bán vàng (chủ tiệm vàng) là tuệ. Tuệ đó mới đưa đến chấm dứt được sanh tử. Tại vì người tiệm vàng, người ta mới làm chủ vàng, người ta muốn chế tác vàng thế nào cũng được hết. Còn mình ở nhà học, mình biết lý thuyết một trời thứ, còn vàng này là vàng thật, vàng kia là vàng giả, nhưng đưa cho mình thanh vàng, mình không biết, đâu có biết đâu. Cầm

vàng nhưng mình đâu có thiết bị, đâu có kiến thức, không thể nào hiểu được, mình lý thuyết thôi à.

Cho nên tu tập nếu không có Trí tuệ (tức là đạo lộ xuất thế vẫn chưa có) thì chỉ là thức. Thức trong khi tu gọi là quán. Đồng tu không hiểu chữ quán thế nào, là vậy đó. Tu đơn giản là vậy đó. Nhưng mình tập dần, đến lúc nào đó mình luyện tới mức độ nhuần nhuyễn thì tự nhiên tuệ phát sinh. Giống như một người nghiên cứu vàng, cứ nghiên cứu tới nghiên cứu lui, ráng lâu lâu cũng đi mua thiết bị thử vàng, hoặc thử tiền giả. Có bút chiếu, mình rờ rờ, coi một hồi, dần dần cũng tiến bộ. Dần dần đến lúc nào đó, mình đủ khả năng, mình có kinh nghiệm thử được, mình có thể xác định vàng thật, vàng giả, tiền thật, tiền giả. Thì đó là tuệ của mình xuất hiện. Cũng vậy, trong tu tập khi nào đủ được thì gọi là chứng quả giải thoát.

Bài Kinh này khó lắm nha. Học bài này mới đã, học bài này mới hấp dẫn. Chưa đâu, bài này còn nhiều cái hấp dẫn nữa. Chúng ta tạm qua đoạn này.

## [Đoạn 6 – Nói về Thắng tri]

- Nay Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?<sup>2</sup>

- Nay Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn (bây giờ mình nói thức, trong thức có thức thứ sáu là ý thức. Bây giờ ngài Ma-ha Câu-hy-la mới hỏi: ý thức khi thanh tịnh, không còn liên hệ đến năm căn nữa (năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), bây giờ chỉ còn ý thôi, thì đưa đến được điều gì. Thông thường chúng ta nói ý thức dùng đến Năm căn, nhưng ở đây hỏi sâu. Cho nên Đại Kinh Phương Quảng là vậy đó), có thể đưa đến Hư không Vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô Biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở Hữu xứ, không có sự vật gì.

Quý vị thấy ý thức thanh tịnh là tới ba tầng trời Vô sắc, đưa đến ba định của Vô sắc. Cho nên nhiều người không hiểu, không biết tại sao. Nhưng ở đây nói nếu ý thức thanh tịnh, không còn liên hệ đến Năm căn nữa thì đưa đến Không Vô biên xứ. Không Vô Biên xứ là Hư không là Vô biên. Ở trong định đó thấy toàn bộ là Hư không, không không không hết, không có gì hết, toàn bộ

---

<sup>2</sup> Chỉ cho đệ tứ thiền.

trống không, trống không, trống không. Cho nên là Hư không Vô biên, gọi là Không Vô Biên xứ.

Có thể đưa đến Thức Vô Biên xứ, tức là thức là vô biên. Thức của mình là ý thức. Ý thức của mình vô biên, tràn ngập hết, ý thức khắp khắp khắp. Thức đó là vô biên, định đó là Thức Vô Biên xứ.

Có thể đưa đến Vô sở Hữu xứ: tức là không có vật gì, thức cũng không có mà vật gì cũng chẳng có, nói chung thấy không có gì cả. Đó là Vô sở Hữu xứ nha!

Quý vị thấy bài Kinh này cao vậy, cho nên đây mới là kinh Đại thừa chứ. Kinh Đại thừa mà nói vòng vòng tầm lum, nói mà không ra được những vấn đề quan trọng này. Cho nên nhiều người bị từ Bà-la-môn lừa, Bà-la-môn khéo gán chữ cho bài pháp của họ là Đại thừa để dìm Phật xuống. Nhưng thật ra chính những Kinh Nguyên Thủy nói sâu xa hơn kinh của Bà-la-môn (kinh Đại thừa) đó. Cho nên người đời nay đáng thương lắm, bị lừa, không chịu tìm hiểu. Người ta nghe, khi có người nói, nhắc cho mình, thì mình chịu khó đọc vô thử những bài Kinh này, đọc mình thấy choáng ra. Tại sao? Vì những kiến thức này không có kinh Đại thừa nào có. Quý vị tìm đi, tất cả kinh Đại thừa không có, những

bộ Luận Đại thừa cũng không nói rõ được như vậy. Tại vì chúng tôi đã nghiên cứu nhiều rồi, chúng tôi mới nói vậy. Cho nên rõ ràng, đây là giáo Pháp của Như Lai, không sai được.

Không chỉ một bài Kinh này mà còn nhiều kiến thức sâu xa nữa, nó đều nằm trong Kinh Nguyên Thủy, Kinh Nikaya và Kinh A Hàm. Kinh A Hàm cũng có, Kinh Nikaya cũng có, Kinh Nikaya còn nhiều hơn Kinh A Hàm. Cho nên không học là uổng phí cuộc đời, cứ toàn bị người ta lừa, người ta nói đại, tiểu, rồi mình chạy vô, vì ham cái đại, thật ra bị ham danh, cứ nghĩ đại là ngon, là to. Cho nên bị lừa thì ráng chịu thôi.

**-Này hiền giả... pháp gì đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?**

Bây giờ pháp tu gì để có tuệ tri được. Quý vị thấy không, rất rõ ràng.

**-Này hiền giả, nhờ tuệ nhãn,<sup>3</sup> pháp được đưa đến có thể tuệ tri.**

Tức là khi nào mình có con mắt của trí tuệ, thì mình mới có thể thấy biết của tuệ tri. Cho nên gọi là tuệ nhãn hay huệ nhãn,

---

<sup>3</sup> Trí tuệ trở thành chánh kiến. MN-a 2.345 [MN-a 43] nói có hai loại trí tuệ, một thuộc về Định, một thuộc về Chánh kiến.

bữa nay hiểu huệ nhãn chưa? Như vậy tu tập có rồi mới đắc, mới có trí tuệ (tuệ nhãn). Còn bây giờ nếu mà tu chưa đắc đạo, thì không có tuệ nhãn, không có huệ nhãn thì không biết được tuệ tri đâu. Cái biết của mình chỉ là thức tri, tưởng tri. Nhớ! Ai còn là phàm phu, chắc chắn cái biết đó chỉ là thức tri và tưởng tri. Tuệ tri phải là tuệ nhãn mà tuệ nhãn là phải chứng đắc Tu-đà-hoàn trở lên, là Tu-đà-hoàn, không phải người thường đâu. Cho nên phải có tuệ nhãn, mới có tuệ tri được, đây là ngài Xá-lợi-phất nói.

**- Nay Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?**

**- Nay Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (Abhiññatthā), có nghĩa là liễu tri (Pariññatthā), có nghĩa là đoạn tận (Pahānatthā).**

Ba kiến thức này rất sâu. Thắng tri tức là cái biết này vượt hơn tất cả cái biết khác. Cho nên khi nào có trí tuệ là biết hết.

Ví dụ như bậc Tu-đà-hoàn trở lên, thì cái biết của người ta khác mình ghê lắm. Phàm phu học nghe tới nghe lui 100 lần, 1000 lần bài Kinh Tứ diệu đế, bài Kinh Vô ngã, nói không có tự ngã thường hằng, nói như con vẹt. Nhưng thua một người trong một Sát-na chứng Tu-đà-hoàn, họ chứng một lần Tu-đà-hoàn thôi, họ

biết hết những điều đó. Họ biết điều đó là vì họ đã đi qua, còn mình không có đi.

Giống như ngồi ở nhà tả con đường, nghĩ tới con đường gọi là Nguyễn Cư Trinh, tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quận 9 hồi xưa bây giờ đổi thành Quận Thủ Đức, hay Thành phố Thủ Đức gì đó, không biết còn không, hay là ở Quận nào, Phường nào không biết. Quý vị coi trên bản đồ tả: bên này có chùa này, bên kia có chùa kia, đây là chùa Hội Sơn, đây là chùa Thanh Sơn gì đó.v.v... tưởng tượng đủ cây cối. Nhưng tới khi đi thật thì có giống vậy không? Không! Bản đồ đó cũ rồi, nó không cập nhật từng ngày, ngay khi đó thế nào? Chỗ này ỏ gà nó có cập nhật trên đó đâu, và đi thiệt, coi chừng lạc, chưa đi chưa được, còn người ta đi người ta mới thấy. Cho nên trí tuệ của người chứng đắc là trí tuệ thắng tri, đó mới là thực sự trí tuệ. Còn cái kia là mình biết qua tưởng, rồi mình tưởng tượng nhà đó, con đường đó như vậy, bên này có chùa như vậy, tưởng tượng, nhưng mà tới đó đâu có giống phải không? Có rất nhiều thứ không giống.

Giống như quý vị coi ở đây, coi trên màn ảnh, quý vị coi cỡ nào cũng không tả được thất của chúng tôi ở, không giống. Quý vị coi trên video chẳng nữa thì cũng chỉ là thấy thôi, lúc tới mới khác, mới cảm nhận được. Cho nên đó gọi là thắng tri, không chỉ

thắng tri nữa mà đây còn có nghĩa là liễu tri, tức là trí tuệ biết, sáng tỏ, nghĩa là đoạn tận, đoạn tận là đoạn được phiền não. Cho nên phải có trí tuệ, trí tuệ đúng nghĩa là biết như thật về Khổ - Tập - Diệt - Đạo, đó mới là trí tuệ.

Còn mình nói có trí tuệ, thật ra là không có, mình có tưởng tri và có thức tri thôi. Cho nên những bài Kinh này, mới gọi là bóc tách ra, đây là chúng ta giảng cũng tương đối ngắn, dạng nói lược, vì bài kinh dài. Thật ra nói nhiều rồi, nói vậy cũng đủ để quý vị hiểu rồi đúng không? Bữa nay nghe được bao nhiêu, cho nên có trí tuệ gọi là thắng tri, liễu tri và đoạn tận, đoạn được, cắt đứt phiền não. Tu-đà-hoàn là ba Phiền não Kiết sử đầu tiên gồm: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, hết. Còn nếu cao hơn thì đoạn thêm phiền não nữa, cho nên là đoạn tận.

**[Đoạn 7 – Nói về Chánh kiến và 5 phần để chứng quả giải thoát]**

**- Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến Chánh tri kiến (Sammādiṭṭhi) sanh khởi?**

Chánh kiến tức là Chánh tri kiến, có bao nhiêu duyên để Chánh tri kiến hay Chánh kiến sanh khởi. Điều này thì chúng ta học rồi.

**- Nay Hiền giả, có hai duyên khiến Chánh tri kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý.<sup>4</sup> Nay Hiền giả, do hai duyên này, Chánh tri kiến sanh khởi.**

Như vậy Chánh kiến là gì? Ở đây nghe tiếng của người khác, tức là nhờ người khác nói cho mình nghe và phải Như lý tác ý.

Như vậy quý vị muốn có Chánh tri kiến đúng không, đây là Chánh tri kiến Xuất thế gian. Còn Chánh tri kiến thế gian thì bình thường rồi: là biết ở đời có cha có mẹ, có bậc Chân nhân ở đời, rồi có nhân có quả, làm thiện thì được quả thiện, làm lành thì được quả lành, làm ác thì quá ác. v.v... tin những điều đó và tin việc tu hành, giữ Bát quan trai, giữ giới thì có phước báo. v.v... Và có các loài ở cảnh giới khác như: hóa sanh, chư Thiên, Phi nhân, Ngạ quỷ, Địa ngục, v.v... thì đó là Chánh kiến thế gian. Chánh kiến thế gian thì chỉ giúp cho quý vị sanh cõi Trời, cõi Người.

Còn Chánh kiến hay Chánh Tri kiến xuất thế gian không phải như vậy! Là biết như thật về: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tức là Tứ thánh đế. Chánh Tri kiến đó phải có hai duyên: Tiếng của người khác và Như lý tác ý. Tiếng của người khác là nghe người ta giảng đúng

---

<sup>4</sup> MN-a 2.346 [MN-a 43] ghi chép Sāriputta nghe câu kệ của Assaji mà ngộ đạo, còn các Paccekabuddha thời nhờ tự mình tác ý mà ngộ đạo.

không ạ? Chứ không phải tự nhiên mình có, và Như lý tác ý nữa. Nhiều người nghe, nghe cả trăm năm, dù nghe pháp cả trăm năm mà không Như lý tác ý, thì cũng thiếu một duyên. Như lý tác ý, tức là trong đầu nghĩ nghĩ, mà không được nghe thì cũng không biết làm sao tác ý được.

Cho nên phải nghe thế nào là Khổ, có Bát khổ (Tám khổ), v.v... có nhiều khổ lắm, vô lượng khổ, nhưng mà nói quy lại tám khổ. Rồi nguyên nhân của Khổ là gì? Gọi là Tập đế. Khi diệt được hết các khổ thì được như thế nào, thì đó là diệt khổ (Diệt đế).

Và Đạo đế là con đường đưa đến diệt khổ là gì? Nhiều người cũng không biết con đường đưa đến Diệt khổ là gì? Đơn giản Đức Phật nói chính là Bát thánh đạo, gồm có Tám chi phần đó là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đủ tám Bát chánh đạo thì gọi là con đường diệt khổ. Trong đó thật ra nói vậy chứ có hết. Chánh tri kiến là nói ngay điều đầu tiên rồi. Chánh tư duy thế nào? Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn thế nào? Chánh niệm là Tứ niệm xứ, Chánh định là bốn tầng Thiền. Cho nên là không chạy đi đâu hết, tu hết 37 Phẩm trợ đạo có hết trong đó.

Ở đây có một kiến thức mà quý vị không biết: Như lý tác ý là gì đúng không? Như lý tác ý là khi mình khởi nên ý nghĩ gì đều phải hợp với Chánh pháp thì gọi là Như lý tác ý. Cho nên nhiều người không có Như lý tác ý thì làm sao có Chánh kiến. Thế nào là hợp với Chánh pháp?

Ví dụ khi gặp chuyện gì xảy ra, nói về con cho dễ: có một người gọi điện thoại nói, chị ơi chị, con chị nó bị tai nạn rồi, thì quý vị lúc đó sẽ thế nào? Quý vị nói là ô, sao rồi, sao rồi? Khóc bù lu bù loa, là quên hết tất cả mọi thứ, đó là không Như lý tác ý. Vì mình đã tác ý theo thế gian, đâu tác ý theo Chánh pháp đâu. Tác ý theo Chánh pháp là gì? Ngay lập tức trong đầu nghĩ ra thế gian Vô thường, có gì đâu, nó gặp duyên, gặp nghiệp gì đó, duyên nghiệp thế nào, hôm nay tai nạn là chuyện nó tai nạn, sống hay chết thì cũng tới rồi. Bây giờ cứ bình tĩnh thôi, nó bị tai nạn ở đâu? Chị cho biết, bây giờ con tôi nó thế nào rồi, tôi sẽ đến đó, v.v... nói chung mọi thứ rất bình tĩnh, điềm tĩnh trong tâm luôn nghĩ về Vô thường, về Khổ, về Vô ngã, đó là Như lý tác ý. Còn quý vị quên mất tiêu rồi thì không có Như lý tác ý, vậy thôi, đúng không? Rất đơn giản, cho nên trong đời sống có nhiều người không có Như lý tác ý. Nên muốn có Chánh kiến, hỏi thưa thầy, con làm sao có

Chánh kiến? Tu Tứ niệm xứ để tập cho quen Như lý tác ý chứ gì nữa.

Bây giờ ví dụ như ông chồng nói, ông chửi sao ngu thế! Ông ấy chửi mình như vậy, mình nghe trong đầu, nếu mình nghĩ, ôi! Sao ông nói mình ngu thế này thế kia, v.v... thì quý vị thấy có phải Như lý tác ý hay không? Không. Mình không có Như lý tác ý bởi vì mình đã nằm trong cái ngã rồi, có ngã sở rồi, có danh của tôi là tôi không ngu, có cái tôi, rồi tại sao có người tùm lum ở trong đó. Còn nếu Như lý tác ý thì sao? À ông nói kệ ông, mình phải suy xét coi ông nói đúng hay không? Mình đâu có thật là mình đâu, đúng không? Không có cái gì là ta cả, trên đời do duyên thôi, các pháp do duyên thôi. Thân này cũng không phải là ta, đến ta cũng không có. v.v... Cho nên ông nói gì thì suy xét, không giận không buồn, bình thường, thì đó là Như lý tác ý.

Cho nên nhiều người đâu có tu tập được đâu, không tu tập được liền, thì không Như lý tác ý ngay được, vậy thì sao? Dùng Tứ niệm xứ, khi sân lên là biết ngay tâm có sân, thọ ưu rồi đây. Hoặc không quán Tâm được thì quán Thọ, thọ ưu rồi. Không thì quán Thân, lúc đó miệng mình chửi thì biết mình đang làm việc bậy rồi đó. Biết rồi thì dừng lại, tại vì biết thì mình dừng thôi, từ cái biết mà dừng lại đó là Tứ niệm xứ chuyển qua Như lý tác ý.

Cho nên tu ở đâu, không thể chạy ra khỏi Tứ niệm xứ, nên Đức Phật nói từ Tứ niệm xứ là quá chuẩn rồi, không cần gì hết.

Cho nên Đức Phật nói: “Đây là còn đường độc nhất để đưa đến ... giải thoát đó là Tứ niệm xứ”. Bởi vì Tứ niệm xứ là cửa ngõ để đi vào Chánh tri kiến, từ Chánh tri kiến sanh khởi được rồi, thì mới có Chánh tư duy, rồi có mấy cái sau, cuối cùng mới có chánh giải thoát, còn không thì tà giải thoát thôi, đi trật á.

Ở đây, quý vị thấy rất đơn giản, phải nghe được Chánh tri kiến, có hai duyên: Nghe ai giảng, nghe kinh Phật, nghe người này giảng, người kia giảng và phải Như lý tác ý, tức là làm gì cũng suy nghĩ đúng Chánh pháp giùm đừng quên nha.

**-Này Hiền giả, do hai duyên này, Chánh tri kiến sanh khởi.**

**-Này Hiền giả, Chánh Tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, và Tuệ giải thoát quả, Tuệ giải thoát quả công đức?**

Quý vị thấy Chánh tri kiến không chưa đủ, Chánh tri kiến mới Tu-đà-hoàn thôi, bây giờ phải hỗ trợ bao nhiêu chi phần nữa để có Tâm giải thoát quả. Tức là bậc A-la-hán Tâm giải thoát, Tâm giải thoát công đức thì có quả rồi, tất nhiên có công đức thôi. Tuệ

giải thoát quả, có Tuệ giải thoát rồi thì có Tuệ giải thoát công đức thôi. Công đức tức là khả năng, chức năng của tâm đó. Bây giờ chưa đủ, Chánh tri kiến mới đủ Tu-đà-hoàn, cần phải đi thêm nữa. Cho nên đâu phải đơn giản đúng không? Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát công đức. Hay nói cách khác, Chánh tri kiến nếu [muốn] tu được, thật ra mình tu thêm [phần] hỗ trợ này, 5 phần nữa.

**- Nay Hiền giả, Chánh Tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, nay Hiền giả, Chánh Tri kiến có giới (Sīla) hỗ trợ, có văn (Suta) hỗ trợ, có thảo luận (Sākacchā) hỗ trợ, có chỉ (Samatha) hỗ trợ, có quán (Vipassanā) hỗ trợ.**

Cho nên là phải tu 5 thứ, đầu tiên là giới. Xong rồi nghe pháp, văn là nghe. Nghe xong rồi phải thảo luận nữa. Cho nên phải trao đổi thảo luận, chứ không phải nghe kinh không được suy nghĩ v.v... Đó là tà, đúng không? Đức Phật bảo nghe xong rồi phải thảo luận nữa. Rồi có chỉ (tu Thiền chỉ) và có quán (Vipassana). Cho nên tu Thiền chỉ, Thiền quán, có giới, có văn (nghe pháp), có thảo luận (đàm luận về pháp). Trong bài pháp tu, Đức Phật nói có bốn [điều]: nghe pháp đúng thời, đàm luận pháp đúng thời, [Thiền] chỉ đúng thời, [Thiền] quán đúng thời. Và tất nhiên trong đó mình

phải có giới nữa. Không có giới nữa là thôi đúng không? [Tu] 5 phần này thì mới giải thoát đó.

Cho nên Tu-đà-hoàn, quý vị thấy Chánh tri kiến sanh khởi thôi, có thể chưa nói về giới [nhiều] lắm, cho nên nhiều người trước đó chưa giữ được giới, v.v... nhưng mà có chút thanh tịnh thôi là đắc Tu-đà-hoàn. Để tới A-la-hán là phải [giữ] giới cho đàn hoàng, có văn, có nghe pháp hiểu, có thảo luận, nói chung là rõ ràng vấn đề, rồi Thiền chỉ, Thiền quán.

**Này Hiền giả, Chánh Tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức.**

Như vậy ở đây có năm chi phần. Phần này có hai điều quan trọng.

[Một: Có hai duyên sinh khởi Chánh kiến: (1) Nghe từ người khác. (2) Như lý tác ý.

**Hai: Có 5 phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát công đức, Tuệ giải thoát quả, Tuệ giải thoát công đức: Giới, Văn, Thảo luận, Thiền chỉ, Thiền quán.]**

Như vậy quý vị thấy không ạ? Tu không phải dễ! Tu phải có Thiền chỉ, Thiền quán, rồi phải có trí tuệ nghe pháp, rồi có giới và

có đàm luận pháp. Cho nên các đồng tu không biết gì [thì] phải hỏi, chứ không biết mà không hỏi là thua luôn nha. Phải hỏi, đàm luận pháp, thảo luận. Từ thảo luận đó mới làm cho rõ ràng. Trong bài tuần trước chúng ta chia sẻ, đó gọi là *hội chúng được huấn luyện trong chất vấn*, chứ không phải *hội chúng được huấn luyện trong khoa trương*. Cho nên hồi xưa là mình rớt vào hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, còn bây giờ mình vô hội chúng được huấn luyện trong chất vấn. Đó là những kiến thức căn bản. Toàn là những điều căn bản, quý vị không học những điều này làm sao quá vị giải thoát sanh tử? Khó lắm! Giải thoát [được] trừ khi căn cơ lớn, chứ còn nếu không học những điều này, không biết kiến thức căn bản, con đường tu tập thế nào thì làm sao mình tu. Rồi cứ suốt ngày chớp lấy một đề mục nào đó tu tới tu lui hoài, cuối cùng cũng không đắc được, rồi kêu sao Phật pháp không linh! Tại vì mình tu sai, sao mà linh được!

### [Đoạn 8 – Nói về Hữu và sự tái sinh]

- **Này Hiền giả, có bao nhiêu hữu (Bhava)?** (Chúng ta biết hữu là gì, ở đây trả lời ngay)

- **Này Hiền giả có ba hữu: Dục hữu (Kāma bhava), Sắc hữu (Rūpa bhava), Vô sắc hữu (Arūpa bhava).**

Điều này, chúng ta cũng nói hoài, có ba hữu. Hữu là gì? Hữu là còn. Còn cái gì? Còn có phiền não. Hữu là hữu vi. Hữu là còn, còn ba cõi. Đó là Dục hữu ở cõi Dục, Sắc hữu ở cõi Sắc, và Vô sắc hữu ở cõi Vô sắc. Tức là ba nhân đưa đến ba cõi đó. Ví dụ như thế gian chúng ta đang là Dục hữu đó. Tại vì chúng ta có nhiều ham muốn, nhiều mong muốn, mà mong muốn trên Năm dục. Mong muốn được thấy cảnh đẹp, đó là mong muốn hưởng thụ cái đẹp [của] mắt. Sự mong muốn được hưởng thụ trên tai, nghe âm thanh hay. Mong muốn được ngửi mùi thơm. Mong muốn được nếm vị ngon ngọt theo ý mình. Mong muốn được xúc chạm êm ái dễ chịu. Đó là năm công đức của dục hay ngũ dục (tác dụng của năm dục hay gọi là ngũ dục). Cho nên ngũ dục là đó nha, chứ không phải ngũ dục bên Trung Quốc là: tài sắc danh thực thùý. Đó là của Trung Quốc, không có liên quan kinh Phật. Nên là học mỗi Ngũ dục cũng trật nữa rồi thì làm sao mà đi xa được. Như vậy Dục hữu là vậy.

Còn Sắc hữu là gì? Là còn mong muốn hiện hữu có một thân hình. Còn Vô sắc hữu là còn mong muốn hiện hữu trong một tâm thức. Còn mong muốn cỡ nào cũng rớt vô ba hữu đó. Cái nào nặng nhất là rớt xuống dưới, Dục hữu (cõi dục) [thấp nhất], Sắc hữu là đỡ rồi, Vô sắc hữu là vô sâu nữa.

**- Nay Hiền giả, như thế nào sự tái sinh trong tương lai được xảy ra?**

Tức là tại sao lại có sự tái sinh trong tương lai. Quý vị thấy chúng ta tái sinh là nguyên nhân do đâu? Ở đây nói luôn.

**- Nay Hiền giả, bị Vô minh (Avijjā) ngăn che, bị Tham ái (Taṇhā) trói buộc, các loài Hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy, sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.**

Đó, cho nên dòng đỏ này quý vị nhớ giùm! Đó là do gì? Mình tại sao lại tái sinh trong tương lai? Vì mình có vô minh, bị vô minh ngăn che. Vô minh tức là không sáng suốt rõ biết. Rồi bị tham ái trói buộc. Tham ái tức là mong muốn cái này mong muốn cái kia. Cho nên các loài Hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy mới có sự tái sinh trong tương lai. Tức là sự tái sinh trong tương lai mới xảy ra được, là do Vô minh và Tham ái. Vô minh hết thì tất nhiên Tham ái cũng hết thôi. Cái này hết sạch thì cái kia cũng hết sạch, tại vì sao? Vì hai cái đó đi chung với nhau. Do không thấy đúng như thật, cho nên người ta mới thích thú. Bởi vì sao? Khi chưa thấy đúng như thật thì thấy: “À, cái này ăn ngon. Rồi nhà lầu xe hơi, v.v... rồi hưởng thụ sướng”. Cho nên ham muốn như vậy thì ở cõi Dục thôi. Ở cõi Dục là Dục hữu là còn ham muốn.

Nhưng nếu thấy như thật là: “ôi, cõi này sao khổ quá đi, có sướng gì đâu! Ăn được bao nhiêu đâu! Ngày ăn được ba bữa, người nào giỏi lắm ăn được năm bữa, sáu bữa thậm chí ăn không nổi nữa, mà đi làm thì nhiều, tiền không đủ ăn v.v... trả tiền điện, tiền nước, tiền xây nhà, xe cộ xăng dầu v.v... đủ các tiền. Làm! Làm! Làm!”. Thời gian làm thì nhiều, thời gian hưởng thụ thì ít, cho nên cõi Dục chán quá à! Cõi người chán quá, thôi lên cõi Trời! Vẫn là ham muốn! Lên cõi Trời vẫn thấy không được. Lên cõi Sắc, và ham cõi này. Rồi thấy chán ngán sự hiện hữu thân mình rồi: “Thôi, chỉ hiện hữu trong tâm thôi cho sướng”, gọi là ham muốn trong cõi Vô sắc, đó là Vô sắc hữu.

Còn ham muốn như vậy thì còn thích chỗ này, thích chỗ kia. Còn thích thì sao? Còn tái sanh! Thích ở chỗ nào thì đi về đó! Thích với ghét đồng nhau nha. Thích cũng đồng ghét, tại vì ghét tức là thích điều đó mà bị ngược lại thì mình ghét. Ví dụ như mình thích màu xanh, nhưng mà ông thầy ông toàn chiếu màu đỏ, cho nên mình ghét màu đỏ. Hoặc là mình không thích màu hồng nhưng ông thầy toàn chiếu màu hồng, tại vì mình thích màu khác mà. Cho nên thích với ghét đều là nguyên nhân dẫn đến tái sanh, cho nên ái là vậy. Thật ra là ái cái này thì ghét cái kia. Cho nên tu là mình phải bình đẳng! Không quan trọng [thích/ghét]. Cái đó là

phải tập thôi, thật ra khi tham ái chưa hết, làm sao được! Hoặc là chưa có đoạn được tham thì không hết đâu, nhưng mà mình giảm bớt. Mình cố gắng quán, Như lý tác ý.

**- Nay Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai không xảy ra?**

Mình muốn không tái sanh nữa thì đây.

**- Nay Hiền giả, Vô minh được xả ly, minh khởi, Tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sanh trong tương lai không xảy ra.**

Muốn không tái sanh thì hết Vô minh đi (xả ly hết Vô minh). Minh khởi tức là có trí tuệ sanh khởi rồi, Tham ái được đoạn diệt, tức hết tham cho nên “Ái tận tức Niết-bàn”. Hoặc là “Vô minh tận tức Niết-bàn”, hai cái này [cái nào] cũng được, như vậy hết Vô minh tất nhiên hết Ái. Ở trong Kinh Tăng Chi, quý vị thấy Đức Phật nói: “Chỉ cần một pháp. Diệt được pháp này là Ta sẽ đảm bảo các ông không tái sanh. Đó là gì? Tham ái diệt hết (và thậm chí hết một pháp thôi), sân (hết một pháp thôi), si (hết một pháp thôi) là được rồi”. Một pháp hết rốt ráo tức là các pháp kia cũng hết. Như vậy ráng nha! Ráng bớt đi chứ nhiều người tham ái quá, vô minh quá, thì tái sanh còn dài và khổ còn nhiều.

[Đoạn này nhớ:

+ 3 hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu.

+ Do Vô minh ngăn che, Tham ái trói buộc mà Hữu tình có sự thích thú, dẫn đến tái sanh] .

Cho nên ai còn ham muốn nhiều thì biết mình luân hồi nhiều. Tất nhiên Tu-đà-hoàn thì bớt tham thôi chứ không hết được. Nhưng mà cố gắng mình đừng có ham nhiều quá.

[Đoạn 9 – Nói về Sơ thiền]

- Đây Hiền giả, thế nào là Thiền thứ nhất (Paṭhama jhāna)?

- Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Thiền thứ nhất.

Thiền thứ nhất là đơn giản vậy thôi, chúng ta nghe hoài rồi, chữ màu đỏ là “ly dục, ly pháp ác bất thiện, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ”. Quý vị thấy định nghĩa Sơ thiền có bấy nhiêu đó thôi. Ở đây nhớ là sẽ rời các pháp ác bất thiện. Và trạng thái lúc đó là mình có hỷ (niềm

vui trong tâm), lạc (niềm vui trên thân) là do đâu? Do ly dục sanh, và lúc đó phải có tầm, tứ.

Tầm là gì? Hướng đến một đối tượng nào đó. Ví dụ như tu niệm hơi thở là hướng, tập trung hoàn toàn vào đối tượng hơi thở. Tu về thiền án nước, tức là tập trung vào nước. Tứ là gì? Tứ là dán chặt vào đó, không có chạy đâu nữa hết, đó là tầm tứ. Tầm là hướng tới, tứ là áp lên đó thôi. Cho nên khi đang tu thiền hơi thở mà quý vị còn khởi lên ý gì đó ngoài hơi thở ra là biết chưa đắc Sơ thiền. Lúc đó không đắc Sơ thiền. Nhớ! Cho nên mình coi [các] chi thiền. Ở đây cũng nói đầy đủ luôn.

**- Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi phần?**

**- Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, nay Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm (Savitakka), tứ (Savicāra), hỷ (Pīti), lạc (Sukha) và nhất tâm (Ekodibhāva). Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy.**

Và đây chúng ta cũng học rồi đúng không, có năm chi thiền. Năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhất tâm là tập trung được tâm trên đối tượng thiền đó. Đề mục thiền là gì thì mình tập trung được cái đó. Tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm. Những

điều này chúng ta đã học hết rồi. Tầm là giống như tập hưởng về đó, giống như con ong nhắm tới bông hoa nó bay tới. Tứ là giống như nó áp sát đối tượng đó, quan sát đối tượng đó như con ong vờn quanh bông hoa, nó nhìn thấy toàn bông hoa, ngoài ra không nhìn thấy gì hết. Hỷ là nó thấy vui vẻ vì nó sắp được hút mật. Lạc là nó hút được mật của bông hoa nên nó cảm thấy đã, dễ chịu về thân mà! Và nhất tâm tức là lúc đó nó tập trung hoàn toàn, quên hết có một con người bên cạnh, có con sâu gì đó sắp chụp nó, nó cũng quên luôn. Không còn nhớ gì hết ngoài việc tầm tứ hút mật. Năm chi thiền đó, ví dụ về con ong cho dễ, khi đó quý vị thấy tu thiền cũng vậy.

Mình tu thiền với đề mục thiền hơi thở. Tầm là gì? Tầm là hưởng tâm về hơi thở, hưởng tâm mới đầu theo dõi chớp mũi, theo dõi gì [đó]. Nhưng một hồi là chỉ còn hơi thở thôi, không có chớp mũi gì hết. Tứ là gì? Tập trung hoàn toàn vào hơi thở. Hỷ là gì? Là lúc đó tâm dễ chịu. Lạc là gì? Thân dễ chịu. Nhất tâm là gì? Chỉ còn hơi thở với mình, không còn cái gì hết, không còn nghĩ tôi đang quán hơi thở v.v... ông đó đang chạy âm thanh gì đó, không nghe gì hết, thì cái đó cũng vậy. Cho nên trước khi vào tới trạng thái Sơ thiền, là trạng thái bắt đầu gọi là Vị đạo định - Cận định đó, bắt đầu các thứ tạm ẩn rồi, nó tạm ẩn hết. Nhưng mà còn

nhảy nhất là cái tai, nó dễ nghe âm thanh nhất. Cho nên âm thanh là gai nhọn, là chướng ngại nhập Sơ thiền. Tại vì lúc đó tâm mình định tĩnh rồi nhưng mà còn cái tai nó nhảy lăm, nó nghe rõ hơn hết. Mắt thì tất nhiên là không cần lăm, nhưng lúc đó tập trung nên có âm thanh vào, nghe khó chịu. Lúc đó âm thanh là gai nhọn Sơ thiền [nên] chưa vào Sơ thiền. Quý vị hiểu, ai thực hành thiền nhiều biết mà, đúng không?

**– Đây Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?**

Quý vị thấy không ạ, kinh Phật nói đầy đủ hết, vậy mà mấy ông Tổ [Trung Hoa] nói trật lất. Vậy mà cũng tin mấy ông Tổ nữa. Cho nên mình coi trong kinh mình không tin Tổ [Trung Hoa] là vậy đó.

**- Đây Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ Tham dục, từ bỏ Sân, từ bỏ Hôn trầm Thụy miên, từ bỏ Trạo hối, từ bỏ Nghi; thành tựu: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất tâm.**

Đoạn này chính là năm Triền cái được từ bỏ đúng không ạ? Quý vị thấy chúng ta học, chúng ta chia sẻ lâu nay chính là những

điều này. Trong kinh ra chữ đâu, từ bỏ được năm Triền cái, gồm có Tham dục, Sân, Hôn trầm Thụy miên, Trạo hối, Nghi. Và thành tựu được năm chi thiền: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất tâm. Tham dục là gì? Là mình mong muốn. Cho nên nhiều người vô thiền mà còn ham muốn đắc thiền. Ham muốn đắc thiền thì làm sao đắc thiền, đó là tham dục. Rồi khi tu thiền cảm thấy “ủa sao người ta tu vô nhanh, mình tu mãi không có vô, khó chịu quá, tu gì đâu” v.v... thì sân rồi làm sao đắc thiền, bị dính rồi. Hôn trầm Thụy miên là sao? Hôn trầm tức là chưa ngủ, nó cứ dờ dờ có dấu hiệu mơ màng chưa có ngủ hẳn. Còn Thụy miên là ngủ luôn. Không trừ bỏ được điều đó thì không được.

Trạo hối là gì? Là trạo cử hối hận, trạo cử tức là nó lảng xảng lên. Đang ngồi thiền, nghĩ chuyện này nghĩ chuyện kia. Hối hận là hối, nhớ lại chuyện đã qua hồi đó chưa làm được. Nói chung là trạo lại những cái cũ gọi là trạo hối, trạo hối có thể là nó tua lại cái cũ và nghĩ tới cái mới, đa số là do cái cũ nó hiện ra. Cho nên là đừng nghĩ gì hết thì mới tu thiền được. Thứ năm là Nghi, từ bỏ nghi, là lúc đó không có nghi ngờ: “mình thiền đắc hay không đắc, giờ biết tu có được không v.v... Tu ngồi đây mình chắc nhiều đời tu dở quá, cho nên không đắc thiền v.v... cứ nghĩ vậy thôi”. Còn nghĩ [vậy] là còn nghi. Ngồi thiền lúc vô Sơ thiền rồi là không

nghi nữa, bởi vì mình chứng thiền là không có nghi. Cho nên nhiều người muốn biết đắc thiền hay không, mình coi những điều này. Cho nên đoạn này rất đơn giản rồi, chúng ta không tóm tắt ở đây, quý vị tự tóm tắt được. Những phần chữ đỏ đó là tóm tắt rồi.

**Này Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần, và thành tựu năm chi phần.**

#### **[Đoạn 10 – Nói về Năm căn và thọ mạng]**

Kiến thức này nhiều lắm, nhiều bài rất hay, rất dài. Nhiều người nghe toàn kiến thức gì đâu không, không hiểu. Nhưng mà những kiến thức này quan trọng, đây mới là Phật pháp. Chứ người ta giảng nói toàn thế gian, kể chuyện đi đây đi đó này kia v.v... thì quý vị thích nghe, còn nghe cái này khó nghe quá đúng không? Nhưng thật ra đây mới là Phật pháp.

**- Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?**

Ở đây chúng ta phải giải thích chút xíu. Có năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Ở đây đã chốt luôn cho mình là cảnh giới khác nhau, hành giới khác nhau, không có lẫn lộn với nhau. Tức là gì? Năm căn: mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm. Cảm giác mỗi cái là mỗi cảnh khác nhau, cho nên không có lẫn lộn. Điều này đánh tan Kinh Nhĩ Căn Viên Thông. Không có chuyện đó! Mỗi cái một cảnh khác nhau, đây là kinh nói rõ ràng rồi, không có lẫn lộn được.

Hành giới khác nhau là sao? Hành giới tức là điều thực hành, hạnh. Mắt để làm gì? Mắt làm chuyện của mắt. Tai làm chuyện của tai, mũi làm chuyện mũi, lưỡi làm chuyện lưỡi, thân làm chuyện thân. Không có cái này lộn qua cái kia được, năm căn rõ ràng như vậy. Đây là khẳng định nha. Cho nên sau này Triết học Đại thừa, Triết học Bà-la-môn, người ta định nghĩa cho ghê. Đó là mắt có thể nghe, tai có thể thấy v.v... mũi cũng có thể thấy v.v... Máy kinh đó, người ta ảo tưởng rồi. Họ đưa lên Thế giới siêu nhiên để người ta tin hơn, nhưng mà thật ra nói không đúng.

Quý vị thấy Chánh kinh Nguyên Thủy không có nói vậy. Đó là lý do tại sao mình học từ Kinh Nguyên Thủy nhiều mình biết. Nên nói kinh đó tào lao, đưa lên nói cho quá. Nói cho quá rồi thực hành không tới, thực hành không được. Tại vì nói siêu hình mà.

Ngay cả Phật còn không đạt được mà, quý vị thấy không? Đức Phật đâu có khả năng đó, Đức Phật phải dùng từng căn rõ ràng. Cho nên là từ đó biết là chúng sanh nói xạo, mà muốn nói xạo thì nói cỡ nào chả được, quý vị hiểu không? Người ta muốn nói gì chẳng được. Khoa học Viễn tưởng đó, người ta tưởng cái gì cũng được mà, nhưng cuối cùng có làm được không? Tưởng đi ngược thời gian, bây giờ ai đi ngược thời gian đi? Tưởng đi vào tương lai, ai đi vào tương lai đi? Có được đâu.

Có những cái tưởng một hồi làm được, nhưng có những cái tưởng không làm được. Đó rồi cuối cùng 'hữu tình, vô tình đồng viên chung trí' luôn. Đó là quá tưởng, trong khi đó Đức Phật nói chỉ có hữu tình thôi mà. Cho nên cuối cùng mắc kẹt đó, quý vị hiểu không, cuối cùng sống cũng không xong. Tại vì thấy đâu cũng là chúng sanh hết, thấy ăn cái cây cũng kêu là sát sanh luôn. Nghĩ như vậy tào lao rồi! Cho nên cuối cùng chỉ có chết trong cái tưởng đó. Tức là có nhiều người học quá rồi bị điên đó. Điên bởi vì nó loạn trong thế giới thực, mình không sống được nữa. Bởi vì mình bị ảo tưởng quá đó, bị điên. Cho nên tu mà tu sai là phiền não tăng thêm, chỉ có thể dẫn tới điên loạn, nguy hiểm lắm.

Rồi chúng ta tiếp tục nha, ở đây có câu hỏi: “Cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?”. Thì ở đây nói là.

- **Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau** (Điều này đánh tan “năm căn viên thông, vô chướng ngại”. Không có chuyện đó nha!), **tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, ý làm sở y cho chúng, và ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng.**

Quý vị thấy rất rõ đúng không? Năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có một chỗ nương tựa đó là ý. Ý là sở y, là chỗ nương tựa của chúng, lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng. Cho nên năm căn đó nó tổng hợp và đưa tới ý, ý thực hành, ý xử lý. Giống như bây giờ xài máy tính, điện thoại. Nói điện thoại đi, ai cũng cầm điện thoại. Camera để làm gì? Để chuyên lấy hình ảnh. Micro để làm gì? Để thu tiếng. Như vậy micro với camera cuối cùng đưa vào đâu? Đưa vào bộ vi xử lý, xử lý các thông tin đó đúng không? Điện thoại còn có màn hình cảm ứng, quẹt quẹt nữa chứ, ba cái,

rồi có bàn phím. Nói chung tùy mỗi điện thoại, nó có [chức năng] gì đó, tùy quý vị. Mỗi cái nó có mỗi chức năng và tất cả đưa vào đồng một bộ vi xử lý để xử lý. Thì cái đó đối với con người chúng ta là ý. Ý nó tổng hợp [dữ liệu của] mắt, tai, mũi lưỡi thân, dữ liệu đưa tới đó.

**- Nay Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.  
Nay Hiền giả, năm căn này, do duyên gì mà chúng an trú?**

Bây giờ mình nói do duyên gì mà năm căn này an trú, thì mình có trả lời được không?

**- Nay Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.  
Nay Hiền giả, năm căn này, do duyên tuổi thọ (Āyu) mà chúng an trú.**

Cho nên năm căn này phải có tuổi thọ. Tuổi thọ tức là thọ mạng, mà an trú. Nếu hết thọ mạng rồi thì năm căn đó không có nữa, không hoạt động được.

**- Nay Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?**

Thì lại hỏi tuổi thọ.

**- Tuổi thọ do duyên hơi nóng (Usmā) mà an trú.** (Tức là còn hơi thở đó nóng, hơi ấm).

**- Nay Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?**

**- Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.**

Tức là hai cái nó an trú lẫn nhau, một là tuổi thọ do hơi nóng mà an trú, tức dựa vào hơi nóng (hơi ấm). Ngược lại hơi ấm cũng như tuổi thọ. Hai cái nương nhau, giống như ví dụ ngài Sariputta, tức ngài Xá-lợi-phất đưa ra: đó là đưa ra hai bó lau buộc chung vào nhau, cái này dựa cái kia. Cho nên hai cái này duyên với nhau, thì chúng ta hiểu như vậy, tuổi thọ và hệ thống cái này có, cái kia có, cái này mất là cái kia cũng mất, cái này ngã thì cái kia cũng ngã. Hai cái dựa vào nhau phải không?

**- Nay Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sāriputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sāriputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. Nay Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?**

Quý vị thấy mình lấy ví dụ bó lau, nhưng ở đây ngài Ma-ha Câu-hy-la hỏi để coi ngài Xá-lợi-phất giải thích như thế nào.

**- Nay Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói.**

Tức là ngài Xá-lợi-phất cho ví dụ, một số người có trí mới hiểu được thôi, người không có trí không hiểu được, khổ vậy.

**Này Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy. Cũng vậy, này Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.**

Ví dụ này quá hay đúng không quý vị? Ngài Xá-lợi-phất đưa ra ví dụ quá tuyệt vời: Ví dụ cây đèn dầu được thắp sáng là do [nhờ] duyên tim đèn thì ánh sáng hiện ra, rồi do duyên ánh sáng của đèn đó thì tim mới được nhìn thấy. Cho nên cũng vậy, tuổi thọ với hơi nóng an trú lẫn nhau, dựa vào nhau như vậy, giống như ánh sáng với tim đèn.

Bây giờ nếu quý vị không thấy ánh sáng thì sao? Ban đêm sẽ tối thui, không thấy được tim đèn. Nhưng nếu không có tim đèn thì có ánh sáng không? Cũng không có, nên hai cái đó dựa vào nhau. Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không. Mà hai cái dựa vào nhau luôn: không có ánh sáng là không thấy tim đèn, tại vì đèn tối thui rồi, có ánh sáng thì thấy tim đèn. Tim đèn đó tức là đèn dầu đang cháy. Vậy phải có tim đèn đang cháy

thì mới có ánh sáng, có ánh sáng thì mới thấy được tim đèn. [Ngài đưa ra] ví dụ nường tựa lẫn nhau như vậy quá chính xác, đúng là ngài trí tuệ Đệ nhất, đưa ra ví dụ nào cũng đáng nể.

**[+ 5 căn có cảnh giới, hành giới khác nhau không lẫn lộn. (không có nhĩ căn viên thông lẫn nhau đâu nha.)**

**+ Do thọ mạng mà 5 căn an trú, thọ mạng do hơi nóng mà an trú, hơi nóng do thọ mạng mà an trú] .**

Quý vị nhớ ví dụ tim đèn và ánh sáng.

Không biết quý vị có nghe nổi không, đoạn sau nghe hay lắm đó, còn mấy pháp cao nữa, vì đây là Đại Kinh Phương Quảng. Chia sẻ những bài Kinh này để quý vị thấy kiến thức trong Kinh Nguyên Thủy sâu xa, màu nhiệm, siêu! Quý vị học kinh Đại thừa tìm không có những kiến thức này, kinh Đại thừa gì mà nói lòng vòng, kể chuyện là chính.

Quý vị coi Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đi, bài kinh đọc từ sáng đến tối toàn là hết chuyện này đến chuyện kia, vậy hỏi quý vị tu cái gì? Ý pháp có rõ ràng không, toàn nói lý tưởng sâu xa, gọi là nói Triết học, nói những điều không thực tế đúng không ạ? Không có thực hành.

Quý vị coi Kinh Hoa Nghiêm cũng vậy, quá trời thứ nhưng chủ yếu là kể chuyện. Còn kinh Phật là vào đây, coi Kinh Nguyên Thủy, tức là lời Phật dạy, lời của chư Phật dạy. Vô coi nội dung để hiểu, để hành, để giải thoát sanh tử, khác nhau hoàn toàn đúng không, còn bên kia nói cho cao. Bây giờ ngay cả quý vị coi Kinh Địa Tạng đi, cuối cùng tu pháp gì, hay là từ đầu đến cuối kể hết chuyện này đến chuyện kia: kể cô Thánh nữ Bà-la-môn, Bà-la-môn nữ, Quang Mục nữ, ông vua nước lân cận, Trưởng giả Tử rồi Chủ mạng Quỷ vương, Chủ thực Quỷ vương, Chủ tài Quỷ vương gì đó, v.v... toàn kể hết chuyện này đến chuyện kia. Cho nên chúng sanh nó thích nghe những điều đó, [toàn] nghe những chuyện này chuyện kia.

Đức Phật nói hội chúng được huấn luyện trong khoa trường, đối với những Kinh điển nghĩa lý sâu xa nói về giải thoát, về Không thì không thích nghe, không lắng tai nghe, không chịu lãnh thọ. Còn đối với những kinh do người đời sau viết, do những Cư sĩ viết, những người ngoại đạo viết thì họ lắng tâm nghe, họ thọ lãnh, họ học thuộc lòng, họ chép kinh, bây giờ toàn chép kinh thấy chưa. Vì sao? Vì phù hợp với họ, phù hợp với trong vòng sanh tử [là] kể chuyện, nghe dễ, rồi hứa hẹn làm này được cái này, hứa hẹn làm cái kia được kia, v.v... bao nhiêu công đức, người thân được

sanh lên cõi Trời, cõi Người, nghe đã, nó kích thích lòng tham, hấp dẫn.

Vào những kinh này nói rất ráo giải thoát, [nghe] không nổi. Ai biết học vậy là biết so sánh đúng không? Kinh nào là kinh Đại thừa, kinh nào là kinh Tiểu thừa. Kinh nào xuất thế, kinh nào không xuất thế là biết. Cho nên đừng có bị lừa bởi quảng cáo, người ta quảng cáo ghê quá mình dễ bị lừa lắm. Cho nên ráng học kinh thì mới biết. Những bài kinh này nghe không nổi, quý vị thấy không. Nghe một hồi là chạy hết trơn à! Nghe không nổi, đâu có chịu nổi đâu. Nên bài kinh này phải nghe, ráng giảng ha, chia sẻ cho quý vị. Cũng có người nghe được, còn ai không nghe được từ từ nghe lại.

### **[Đoạn 11 – Nói về Pháp Thọ Hành và Sự khác nhau giữa chết và nhập Diệt thọ Tưởng định]**

Quý vị thấy cao siêu không? Quý vị đi hỏi mấy Đại sư bên Đại thừa đó, hỏi mấy ngài đó thử coi, có sự khác nhau: chết Nhập thọ tưởng định, họ không trả lời được. Khi đó trong kinh này có, rất đơn giản, [vậy mà họ] dám nói Tiểu thừa, thật là đáng thương.

- Nay Hiền giả, những pháp thọ hành (Āyusaṅkhārā) này là những pháp được cảm thọ (Vedaniyā) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?

- Nay Hiền giả, **những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này. Nay Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỳ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định.** (Mới đầu nghe đoạn này quý vị không hiểu, nhưng đọc đoạn sau sẽ hiểu. Chỗ thọ hành với cảm thọ đó. Ở đây hỏi là cảm thọ với pháp thọ hành có giống nhau hay không? Khác như thế nào thì trả lời khác. Và tại sao thì ngài nói là sự thành tựu Diệt thọ tưởng định.) **Nay Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác.** (Một cái là pháp thọ hành, một cái là cảm thọ) **nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỳ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tưởng định.**

Một định gọi là Diệt thọ tưởng định. Định này cũng không đơn giản đúng không? Chúng ta nói định này là phải có [điều kiện] gì? Điều kiện là vị đó phải chứng Tam quả A-na-hàm hoặc là Tứ quả A-la-hán, cộng với Tứ thiền Bát định. Phải có hai điều kiện đó, tức là tu Thiền chỉ, Thiền quán cũng ghê gớm, Thiền quán là xong

rồi, Thiền chỉ cũng xong rồi, hai pháp đó gần như xong, Thiền quán còn chút xíu nữa thôi thì mới nhập Diệt thọ tướng định này.

**- Đây Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ, thì thân này được nằm xuống, quăng đi, vất bỏ, như một khúc gỗ vô tri?** (Tức là ngài mới hỏi lại khi nào chết thì có bao nhiêu điều kiện, bao nhiêu pháp chấm dứt.)

**- Đây Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: Tuổi thọ, hơi nóng và thức, thì thân này nằm xuống, được quăng đi, vất bỏ, như một khúc gỗ vô tri.**

Đó là chết, chết là ba pháp bị chấm dứt, điều này đã được chúng ta đã nói rồi. Chấm dứt là tuổi thọ thoả mãn, đã hết; hơi nóng dứt và thức cũng không còn. Khi ba cái đó hết, thì thân đó coi như chết rồi, nằm xuống rồi quăng đi vất bỏ như khúc gỗ vô tri. Cho nên lúc đó như không còn biết gì nữa?

**- Đây Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định (Saññāvedayitanirodham)?**

Tức là bây giờ chết so với Diệt thọ tướng định khác nhau chỗ nào? Diệt thọ tướng định là gì? Quý vị thấy người ta ngồi

nhập Diệt thọ tướng định cũng như chết, cũng chấm dứt [hơi thở]. Nếu chúng ta không biết thì ở đây cũng nói luôn, cho nên khỏi cần phải giải thích:

- **Này Hiền giả, vật chết, mạng chung này, thân hành của nó<sup>5</sup> chấm dứt, dừng lại; khẩu hành<sup>6</sup> chấm dứt, dừng lại; tâm hành<sup>7</sup> chấm dứt, dừng lại; tuổi thọ diệt tận; hơi nóng tiêu diệt; các căn bị bại hoại. Còn vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định, thì thân hành của vị này được chấm dứt, được dừng lại; khẩu hành được chấm dứt, được dừng lại; tâm hành được chấm dứt, được dừng lại; nhưng tuổi thọ không diệt tận; hơi nóng không tiêu diệt; các căn được sáng suốt. Này Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định.** (Quý vị thấy rõ ràng ở đây nói luôn, đầu tiên chết là gì? Ở trên đây nói rồi, tuổi thọ, hơi ấm và thức hết. Như vậy tuổi thọ, hơi ấm thì dễ rồi, tuổi thọ được rồi, nhưng mà thức là ba điều kiện: tâm hành, thân hành, khẩu hành. Hành tức là hành động, vận hành).

---

<sup>5</sup> Được giải thích trong Kinh tiếp. Đây chỉ cho thở vô thở ra.

<sup>6</sup> Chỉ cho tâm và tứ.

<sup>7</sup> Chỉ cho thọ và tưởng.

Khẩu hành là những việc gì của khẩu hành với tướng của ngôn ngữ. Ví dụ như mình nghĩ suy về ngôn ngữ cũng là khẩu hành.

Tâm hành, là suy nghĩ trong tâm.

Thân hành là các hoạt động của thân. Ví dụ mình điều khiển thân, mình muốn làm cái này, muốn làm cái kia [khi] người ta chưa chết. Người bại liệt thì nhiều khi người ta muốn cử động, người ta tưởng tượng cử động thế này, thế kia, đó vẫn là thân hành nha! Nhưng chẳng qua cái thân đó không hoạt động được thôi.

Các hành là gì? Chính là ba cái: thân hành, khẩu hành và ý hành (tâm hành). Khi nó chấm dứt dừng lại và tuổi thọ cũng diệt, hơi nóng cũng diệt, thêm điều kiện các căn bị huỷ hoại thì như vậy là người ta chết.

Còn nhập Diệt thọ tướng định thì thân hành cũng dừng, khẩu hành cũng dừng, tâm hành cũng dừng giống như vậy, nhưng mà tuổi thọ thì không hết, thọ mạng không hết, hơi nóng không hết. Cho nên người ta vẫn còn hơi ấm trong đó. Và có điều các căn không không hề huỷ hoại, mà vẫn sáng suốt. Như vậy các căn vẫn còn sáng suốt, chỉ có tâm đang dừng lại thôi. Có tâm, ba cái hành

là thân hành, khẩu hành, và ý hành, đó là về tâm dừng lại. Bởi vì lúc đó không điều khiển được thân di động, chuyển động gì nữa, không điều khiển được ngôn ngữ lời nói và không có suy nghĩ gì nữa. Cho nên gọi là Diệt thọ tướng định, quý vị thấy như vậy.

**[ + Chết thì mạng hết, các hành chấm dứt, tuổi thọ hết, hơi nóng diệt, các căn bị hoại.**

**+ Diệt thọ Tận định: các hành (thân, khẩu, ý) dừng lại nhưng tuổi thọ và hơi ấm vẫn còn, các căn vẫn sáng suốt] .**

Những điều này quý vị không coi kinh này thì đổ mà nói được. Đi hỏi mấy người, suốt ngày họ nói “Minh tâm Kiến tánh rồi”, thử hỏi coi họ trả lời được không? Họ có nổ banh trời, banh đất nói là Minh tâm Kiến tánh, có thể chế tạo bom nguyên tử, rồi cái gì cũng biết. Thật ra hỏi mấy điều căn bản này cũng không biết nữa. Cho nên từ đó mới biết rằng nói xạo thôi, nổ cho banh trời thôi, nên mình đừng vì nghe họ quảng cáo quá ha. Hãy cố gắng học kinh để so sánh.

Đến đoạn thứ 12. Mấy đoạn sau này hay quá mà hết giờ mất rồi. Nghe nữa chắc quý vị nổ tung đầu ha. Thôi chắc dừng lại ở đây, bữa sau chúng ta để phần Tâm giải thoát, có mấy giải thoát

v.v... phần này cũng hay lắm, mà nhiều quá chắc quý vị nghe không nổi. Thôi [giảng] tới đây đi nha.

Bài 3 chúng ta học tiếp chỗ này. Tại vì mấy giải thoát tâm này, kiến thức cũng sâu xa hấp dẫn, và cũng cần nên mở rộng thêm. Chứ còn Chánh kinh nói như thế, chúng ta [cũng] nên mở rộng thêm thì học mới đã.

Hôm nay chúng ta dừng ở đây, hẹn quý vị hôm khác, quý vị có thắc mắc gì cần hỏi thì quý vị vào hỏi. Do tuần này đáng lẽ là có Học Phật Vấn Đáp, nhưng tuần này chúng ta bận, cho nên quý vị nghỉ Thứ bảy và Chủ nhật. Hẹn quý vị vào tuần sau chúng ta sẽ tiếp tục học tiếp.

Học những bài kinh này sâu xa, nhiều người nghe không nổi, nhưng mà cố gắng nghe. Nghe để thứ nhất là vun bồi Ba-la-mật của mình, nghe để hiểu thêm, biết đâu mình nghe mình bừng ngộ ra, và nghe để củng cố Chánh kiến, từ cái trí. Đầu tiên là trí biết bằng cái biết của tưởng, sau đó biết bằng cái biết của thức, rồi dần dần [đến] lúc nào đó mình biết bằng trí của tuệ, thì thành công, gọi là ba trí văn, tư, tu.

Quý vị cố gắng, ở đây văn là nghe; tư là tư duy, là quán, và cuối cùng là tu, tu quán đến lúc nào đó sống như thật được thì là

trí tu, có trí tu được giải thoát. Cho nên là cố gắng nghe ha, những bài này khó đó, nhưng mà cố gắng nghe, còn không có nghe những bài khó này thì mình [thuộc] chúng huấn luyện trong khoa trường. Học thì dốt, không biết gì mà cứ nỏ, ham nghe toàn những Pháp thế gian, Kinh điển thi ca v.v... nghe những điều đó là chúng được huấn luyện trong khoa trường thôi, không phải chúng huấn luyện trong chất vấn.

Chúng ta học, ráng học theo Phật, cho nên cố gắng nghe, và những bài kinh này rất hay đúng không quý vị. Quý vị thấy không, tất cả những kiến thức Phật giáo sâu xa đều nằm trong Kinh Nguyên Thủy, Kinh Trường Bộ, Kinh Trung Bộ (đây là Kinh Trung Bộ đấy), Trung A-Hàm, Trường A Hàm v.v... rất sâu xa, sâu hơn kinh Đại thừa. Cho nên mọi người không có học, rồi cứ cho Đại thừa là kinh cao hơn. Còn dám chê lời Phật là Tiểu thừa nữa, đó là một sai lầm, tại vì không chịu tìm hiểu, không chịu học, rồi nghe nói là Tiểu thừa nên không thêm học. Đó là bị lừa đau đớn, cho nên thật đáng thương cho những người đó, và thật đáng tội nghiệp cho những người bày ra những cái đó, bày ra những kinh đó, bày ra những lời đó, để rồi họ tự dẫn mình đi đạo, và dẫn chúng sanh đạo nữa. Cho nên người đạo lạc dẫn một mớ người đạo lạc, vì tội dám huỷ báng Phật, huỷ báng Pháp, huỷ báng Tăng. Đó là những

người tạo tội nghiệp mà họ không biết, đời nay cũng vậy, rất nhiều người lại tiếp tục đi theo con đường đó, cho nên thật đáng thương!

Cách tốt nhất là chúng ta cứ học và thực hành cho tốt để ảnh hưởng họ, kéo được người nào có duyên thì họ theo, còn không có duyên thì chịu thôi.

Như Sư Giác Nguyên nói: “*Phật trí vô cùng, Phật tâm vô lượng, Phật lực vô biên*. Ba điều đó cũng không độ được người vô duyên”. Nhớ điều nào [Phật] cũng có, đủ thứ nhưng mà Phật không độ được người vô duyên đâu. Cho nên là tùy duyên thôi, ai vun bồi Ba-la-mật thời quá khứ yếu, ai tà kiến, ai tu thế này, kia thì đời này không có đủ duyên, chịu thôi. Hẹn quý vị hôm khác, kính chào quý vị.

Mời quý vị chúng ta cùng hồi hướng:

Chúng con nguyện đem công đức có được trong thời Pháp hôm nay xin hồi hướng đến chư Thiên, chư Thần cư ngụ tại nơi đây, cũng như chư Thiên, chư Thần, Tứ Thiên Vương, Đế Thích, Đạo Lợi, Phạm Thiên. Nguyện mong chư vị cùng lãnh thọ.

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều sớm thành Đạo quả